

HỒ CHÍ MINH VỚI BẢN HIẾN PHÁP NĂM 1946

HO CHI MINH AND THE 1946 CONSTITUTION

Trịnh Quang Dũng*

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng¹

*Tác giả liên hệ: dungtq@due.edu.vn

(Nhận bài: 11/4/2022; Chấp nhận đăng: 21/6/2022)

Tóm tắt - Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm việc xây dựng một nhà nước kiểu mới thực sự có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ, sau khi cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, Người đã sớm kêu gọi Tổng tuyển cử trong cả nước, trực tiếp tham gia vào soạn thảo Bản Hiến Pháp đầu tiên của nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa năm 1946. Bản Hiến pháp được thông qua ngày 9 tháng 11 năm 1946, là kết quả của một quá trình chuẩn bị lâu dài cả về tư tưởng lẫn hoạt động thực tiễn cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, để lại nhiều ý nghĩa và giá trị to lớn. Bài viết tổng kết quá trình chuẩn bị cho bản Hiến Pháp, chỉ ra kết cấu, những nội dung cơ bản và chỉ ra ý nghĩa và những giá trị tư tưởng to lớn thể hiện trong bản Hiến pháp này.

Từ khóa - Hồ Chí Minh; Hiến pháp; Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Abstract - Ho Chi Minh was particularly interested in building a new type of state with strong legal effect. After the success of the August Revolution in 1945, he soon called for a general election throughout the country and directly participated in drafting the first Constitution of the Democratic Republic of Vietnam in 1946. The Constitution adopted on November 9, 1946, was a result of a long preparation procedure both ideological and revolutionary practical activities of President Ho Chi Minh, leaving many great significances and values. The article summarizes the preparation procedure for the Constitution, points out the structure, basic contents as well as the great ideological meanings and values embodied in this Constitution.

Key words - Ho Chi Minh; Constitution; State of the Democratic Republic of Vietnam

1. Đặt vấn đề

Ngày 9 tháng 11 năm 1946, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thông qua bản Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đây là sự kiện đặc biệt quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển chế độ dân chủ nhân dân sau Cách mạng Tháng Tám ở nước ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với bản Hiến pháp này, đây là kết quả của một quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ của Đảng và nhân dân ta, đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử dân tộc Việt Nam, từ đây nước ta đã có một bản Hiến pháp dân chủ, nhân dân trở thành chủ nhân của một nước độc lập, tự do, có chủ quyền lãnh thổ, có chính quyền thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. 75 năm đã trôi qua, Hiến pháp nước ta đã được bổ sung, phát triển và hoàn thiện qua các giai đoạn lịch sử khác nhau, nhưng vai trò và ý nghĩa của Hiến pháp năm 1946 vẫn rất to lớn. Tìm hiểu về nội dung, hoàn cảnh ra đời và vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc ra đời Hiến pháp năm 1946 không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận còn có giá trị về mặt thực tiễn sâu sắc.

2. Nội dung

2.1. Hiến pháp năm 1946 là kết quả của một quá trình chuẩn bị lâu dài cả về tư tưởng lẫn thực tiễn hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Sinh ra và lớn lên trong một bối cảnh lịch sử có nhiều biến động, đặc biệt khi Pháp xâm lược Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhìn nhận ra bản chất của chế độ thực dân, phong kiến và sớm đã có mong muốn tìm ra một con đường cách mạng phù hợp với nguyện vọng của dân tộc và nhân dân ta. Năm 1911, Người ra đi tìm đường cứu nước và trong suốt những năm tháng bôn ba ở nước ngoài, Người

đã sớm nhận ra vai trò của một nền dân chủ với những quyền cơ bản của con người ngày càng được mở rộng phải được quy định trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật.

Người sớm nhận ra rằng dưới sự cai trị của thực dân, nền dân chủ ở Đông Dương hoàn toàn không được thực thi, bị chà đạp và trái ngược với những luận điệu về “tự do – bình đẳng – bác ái” mà thực dân Pháp tuyên truyền khi chúng nhân danh “khai hóa” cho người Việt. Người nhiều lần lên tiếng về việc “Người Âu thì được hưởng mọi tự do, và ngự trị như người chủ tuyệt đối, còn người bản xứ thì bị bịt mắt và bị buộc dây dắt đi, chỉ có quyền phải phục tùng, không được kêu ca” [1, tr.11]. Thậm chí, Người đã so sánh Đông Dương như một cô gái cung xứng đáng với người mẹ Pháp quốc, về hình thức, “bà mẹ có cái gì thì cô ta cũng có cái nấy: nào Chính phủ, nào những bảo đảm, nào công lý và cũng có âm mưu phiến loạn nhỏ nhả nữa” [1, tr.51]. Tuy nhiên, so với nước mẹ chính quốc Pháp, ở Đông Dương công lý chỉ mang tính chất tượng trưng, hình thức, công lý ấy không khác nào hình ảnh nữ thần tay cầm cân và tay cầm kiếm, nhưng vì đường xa nên, khi nữ thần tới với nhân dân Đông Dương, trên tay nữ thần chỉ còn cái kiếm để chém giết, chém những người vô tội, còn công lý ấy đã bị chảy lỏng. Hồ Chí Minh mong muốn đem những câu chuyện này ra ngoài thế giới, để nhân dân và Chính phủ Pháp nhận thấy bản chất những kẻ thực dân đang chà đạp quyền tự do của người Việt, cũng là chà đạp lên danh dự người Pháp, những giá trị mà cha ông họ đã dùng cả xương máu để giành lại được trong cách mạng tư sản thế kỷ trước. Người đã tìm mọi cách công khai những sự tội ác xấu xa của thực dân phong kiến ở Đông Dương trên các hội nghị quốc tế, năm 1919, khi thời cơ tới, Người đại diện cho những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, lấy tên Nguyễn Ái Quốc gửi

¹ The University of Danang – University of Economics (Trịnh Quang Dũng)

đến Hội nghị Vecxay Bản yêu sách của nhân dân An Nam đòi hỏi những nguyên vọng chính đáng của nhân dân An Nam. Trong Bản yêu sách này, Người đã yêu cầu Pháp phải cải cách nền pháp lý của Đông Dương để “người dân cũng được hưởng những đảm bảo về mặt pháp luật như người Âu châu và thay thế chế độ sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật” [1, tr.470]. Tuy nhiên, những yêu cầu của Người đã không được thực hiện, sau này Người nhận ra rằng bản chất của Hội nghị này mục đích là phân chia quyền lợi của các nước đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, họ hoàn toàn phớt lờ những kiến nghị của nhân dân thuộc địa. Từ đó, Người đã rút ra kết luận, “chủ nghĩa Uynxon chỉ là một trò bịp bợm lớn” [1, tr.441] và nhân dân An Nam cũng như các dân tộc thuộc địa muốn giải phóng mình và có được nền pháp lý thực sự dân chủ phải tự mình đứng lên đấu tranh giành lấy không thể dựa vào những gì mà đế quốc thực dân luôn khoe mẽ và tuyên truyền.

Sự kiện tháng 7 năm 1920 là sự kiện đặc biệt quan trọng không chỉ trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, mà còn là sự kiện lịch sử quan trọng của dân tộc Việt Nam, bởi Người đã tìm thấy con đường cứu nước khi Người đọc được bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa do V.I. Lênin viết đăng trên tạp chí Nhân đạo, cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Pháp. Người kể lại ban đầu khi đọc tác phẩm này nhiều ngôn ngữ chính trị khó hiểu, nhưng rồi Người cố đọc, cố đọc rồi cũng hiểu, và khi hiểu rồi, Người cảm thấy sung sướng, cảm động, tự hào, tin tưởng, sáng tỏ, hạnh phúc biết bao nhiêu, Người ngồi trong phòng mà ngỡ như đứng trước toàn thể dân tộc ta và nói to rằng “Đây là con đường giải phóng cho chúng ta!”. Từ đó, Người tuyệt đối tin theo chủ nghĩa Lênin, tin theo con đường cách mạng vô sản, tin theo lý tưởng Cách mạng Tháng Mười Nga. Suốt 10 năm sau đó (1920-1930), Người đã tích cực hoạt động trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin về nước ta, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về lý luận, tổ chức, đường lối, nhân sự... cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngày 3 tháng 2 năm 1930 trở thành sự kiện không thể nào quên trong sự nghiệp cách mạng nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập dựa trên việc thống nhất tổ chức cộng sản ở Việt Nam cuối năm 1929, từ đây cách mạng Việt Nam đã có sự lãnh đạo của một đảng chân chính mà nòng cốt là chủ nghĩa Mác – Lênin. Trong ngày thành lập Đảng, Người cũng đưa ra Chính cương vắn tắt của Đảng, trong đó khẳng định “đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn được độc lập, dựng ra Chính phủ công nông binh. Tổ chức ra quân đội công nông” [2, tr.1].

Năm 1941, sau 30 năm bôn ba nước ngoài, Người trở về nước, trước tình hình thế giới và trong nước có nhiều thay đổi, Người đã nhấn mạnh “Trong lúc này, quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa bỏng” [2, tr.230]. Người chuẩn bị tích cực cho một cuộc cách mạng sẽ sớm nổ ra ở Việt Nam, yêu cầu nhân dân cả nước đoàn kết một lòng cùng nhau đánh đuổi giặc ngoại xâm. Người thành lập Mặt trận Việt Minh, thành lập chiến khu Việt Bắc và ban hành *Mười chính sách của Việt Minh*, trong đó nhấn mạnh:

*Quyết làm cho nước non này
Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền*

Với một sự chuẩn bị kỹ lưỡng, tinh thần đấu tranh mạnh mẽ được dâng cao, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đã giành được thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám một cách nhanh chóng trong năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, đất nước chuyển sang một giai đoạn mới của lịch sử - giai đoạn độc lập, tự chủ, nhân dân từ thân phận nô lệ trở thành chủ nhân của đất nước, của dân tộc cùng nhau tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, sau Cách mạng Tháng Tám, chúng ta cũng gặp vô vàn những khó khăn, cách mạng rơi vào trạng thái “ngàn cân treo sợi tóc”, Hồ Chí Minh đã xác định ở Việt Nam lúc bấy giờ có 3 loại giặc: Giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm, vì vậy, ngay sau khi giành độc lập, Người đã viết *Những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* trong đó, về chính trị, đặc biệt là vấn đề bảo vệ chính quyền non trẻ, Người đã xác định phải sớm xây dựng và ban hành Hiến pháp dân chủ. Người nhấn mạnh “trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một nền hiến pháp dân chủ” [3, tr.7].

Ngày 8 tháng 9 năm 1945, Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh 14/SL về tổ chức cuộc Tổng tuyển cử để bầu Quốc hội, “cơ quan quyền lực tối cao để ấn định cho nước Việt Nam dân chủ cộng hòa” và đề “dự thảo một bản Hiến pháp để trình Quốc hội, một ủy ban khởi thảo Hiến pháp 7 người sẽ được thành lập”. Ngày 20 tháng 9 năm 1945, Người tiếp tục ký sắc lệnh 34 thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp của Chính phủ, danh sách gồm có 7 người: Hồ Chí Minh; Vĩnh Thụy; Đặng Thai Mai; Vũ Trọng Khánh; Lê Văn Hiến; Nguyễn Lương Bằng; Đặng Xuân Khu. Dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban dự thảo này đã khẩn trương nghiên cứu soạn thảo Hiến Pháp.

Sau khi Ban dự thảo làm việc, Bản dự thảo Hiến pháp đã được soạn thảo xong và được công bố vào tháng 11 năm 1945 để toàn dân tham gia đóng góp ý kiến. Tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội, Quốc hội đã cử ra một Tiểu ban Hiến pháp của Quốc hội để tiếp tục nghiên cứu và đưa ra một dự thảo, Tiểu ban này đã soạn thảo một Dự án Hiến pháp để trình Quốc hội. Ngày 29 tháng 10 năm 1946, Tiểu ban này được mở rộng thêm 10 người đại biểu cho các nhóm trung lập, đại biểu Nam Bộ, đại biểu đồng bào các dân tộc thiểu số để chỉnh sửa, bổ sung Dự án.

Quốc hội bắt đầu tiến hành thảo luận về Hiến pháp từ ngày 2 tháng 11 năm 1946, các đại biểu của các nhóm thay nhau phát biểu, nhận xét, tranh luận. Hồ Đức Dục thuyết trình về bản Dự án Hiến pháp và cho rằng đây là một bước tiến trên con đường dân chủ mới của nhân dân Việt Nam, Dự án Hiến pháp đã dựa vào thực tiễn của đất nước để đem lại quyền lợi cho nhân dân. Tiếp đến, là các đại biểu của các nhóm tranh luận về bản Dự án Hiến pháp; có thể kể đến đại diện các nhóm như: Việt Cách (Hồ Đức Thành); Nhóm mác xít (Trần Huy Liệu); Nhóm dân chủ (Hoàng Văn Đức); Nhóm xã hội (Lê Thị Xuyên); Nhóm Việt Minh (Nguyễn Đình Thi); Nhóm Việt quốc (Trần Trung Dung)... phần lớn đều nêu lên những ưu điểm và tính chất tiến bộ của Dự án

Hiến pháp, góp thêm một số khía cạnh cụ thể và cuối cùng đều tán thành Dự án, riêng Trần Trung Dung tuy cũng tán thành Dự án Hiến pháp song không đồng ý chế độ một nghị viện; Đại biểu nhóm Việt quốc cũng không tán thành chế độ một viện và cho rằng không phù hợp với Việt Nam vì chế độ một viện là: “độc tài của đa số” [5, tr.208]. Thậm chí, nhóm Việt Quốc còn cho rằng, trong hơn 1 năm nắm chính quyền, Chính phủ chưa thực sự đem lại quyền tự do cho dân chúng như trong Hiến pháp có nói đến. Trước sự chỉ trích đó, đồng chí Khuất Duy Tiến và đồng chí Phạm Văn Đồng đã tranh luận lại. Theo đồng chí Khuất Duy Tiến, Hiến pháp nước ta rất cấp tiến, chính thể của Việt Nam là chính thể tập quyền và phân công rất rõ ràng, chúng ta ai cũng tha thiết với tự do, nhưng phải nhớ rằng tự do của cá nhân không được trái lại với quyền lợi tối cao của Tổ quốc; Cá nhân muốn được tự do của mình thì phải nỗ lực đấu tranh cho Tổ quốc. Đồng chí Phạm Văn Đồng chủ tọa của buổi họp đã thẳng thắn chỉ trích Trần Trung Dung khi cho rằng trong một năm vừa qua, dân chúng không nhận được quyền lợi như trong Hiến pháp có nói đến, theo đồng chí, nói như vậy là phủ nhận nền dân chủ của nước Việt Nam sau cách mạng Tháng Tám [5, tr.209].

Ngày 9 tháng 11 năm 1946, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với 240 phiếu tán thành trên tổng số 242 đại biểu (2 đại biểu không tán thành là Nguyễn Sơn Hà và Phạm Gia Đổ), Quốc hội nhất trí thông qua, công nhận cờ đỏ sao vàng là lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc. Đó là quá trình ra đời của bản Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào năm 1946.

2.2. Cấu trúc và nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 1946

Về cấu trúc, Hiến pháp năm 1946 bao gồm lời nói đầu, 70 điều được viết trong 7 chương. Bao gồm các chương: Chính thể (Chương I); Nghĩa vụ và quyền lợi của công dân (Chương II); Nghị viện nhân dân (Chương III); Chính phủ (Chương IV); Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính (Chương V); Cơ quan Tư pháp (Chương VI); Sửa đổi Hiến pháp (Chương VII).

Nội dung của Hiến pháp năm 1946 đã thể hiện linh hồn của tư tưởng Hồ Chí Minh về một chế độ dân chủ nhân dân, một nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân thực sự mạnh mẽ, trong sạch, có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ. Ngay trong *Lời nói đầu* của bản Hiến Pháp, đã khẳng định “Cuộc cách mạng tháng Tám đã giành lại chủ quyền cho đất nước, tự do cho nhân dân và lập ra nền dân chủ cộng hòa. Sau tám mươi năm tranh đấu, dân tộc Việt Nam đã thoát khỏi vòng áp bức của chính sách thực dân, đồng thời đã gạt bỏ chế độ vua quan. Nước nhà đã bước sang một quãng đường mới. Nhiệm vụ của dân tộc ta trong giai đoạn này là bảo toàn lãnh thổ, giành độc lập hoàn toàn và kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ. Được quốc dân giao cho trách nhiệm thảo bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Quốc hội nhận thấy rằng Hiến pháp Việt Nam phải ghi lấy những thành tích vẻ vang của Cách mạng và phải xây dựng trên những nguyên tắc dưới đây: - Đoàn kết toàn dân, không phân biệt giống nòi, gái trai, giai cấp, tôn giáo. - Đảm bảo các quyền tự do dân chủ. - Thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân. Với tinh thần đoàn kết, phấn đấu sẵn có của toàn dân, dưới một chính thể dân chủ rộng rãi, nước Việt Nam độc lập và thống nhất tiến bước trên đường

vinh quang, hạnh phúc, cùng nhịp với trào lưu tiến bộ của thế giới và ý nguyện hoà bình của nhân loại” (Lời nói đầu). Tinh thần dân chủ, nhân dân của nhà nước được thể hiện cụ thể trong các khía cạnh sau đây:

Trước hết, đây là một nhà nước dân chủ, quyền lực thực sự nằm trong tay của nhân dân. Hiến pháp có quy định “Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giai cấp, tôn giáo” (Điều 1). Quyền lực thực sự thuộc về tay nhân dân còn thể hiện ở chỗ dân có quyền bầu cử ra những đại biểu đại diện cho lợi ích chính đáng của nhân dân; có quyền kiểm soát các đại biểu mình bầu ra và cũng có thể bãi miễn nếu đại biểu đó tỏ ra không xứng đáng với niềm tin của nhân dân (Điều 17, 18, 20).

Thứ hai, mọi công dân đều có sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. Về nghĩa vụ, Hiến pháp có quy định “Mọi công dân Việt Nam: - Bảo vệ Tổ quốc – Tôn trọng Hiến pháp – Tuân theo pháp luật” (Điều 4); “Có nghĩa vụ phải đi lính” (Điều 5). Về quyền lợi, “Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: chính trị; kinh tế, văn hóa” (Điều 6) “đều bình đẳng trước pháp luật, đều được tham gia chính quyền và công cuộc kiến quốc tùy theo tài năng và đức hạnh của mình” (Điều 7); “các dân tộc thiểu số đều được giúp đỡ mọi phương diện để chóng tiến kịp trình độ chung” (Điều 8); “Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện” (Điều 9); Công dân Việt Nam có quyền: Tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp; tự do tín ngưỡng; tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài (Điều 10).

Thứ ba, Nhà nước có sự phân công rõ ràng, bộ máy hoàn thiện từ cấp trung ương đến địa phương. Hiến pháp có quy định rõ về Nghị viện nhân dân “là cơ quan quyền lực cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” (Điều 22); Quy định về Chính phủ - “cơ quan hành chính cao nhất của toàn quốc” (Điều 43); Quy định hệ thống tổ chức và quyền hạn của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính [5, tr.8-19].

2.3. Hồ Chí Minh đánh giá về ý nghĩa, giá trị của Hiến pháp năm 1946

Khi nhận xét về Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh, Hiến pháp năm 1946 thực sự là một bản Hiến pháp có giá trị to lớn, là một dấu ấn quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngay tại phiên bế mạc Kỳ họp thứ hai của Quốc hội khóa I, Người đã đánh giá về vai trò, ý nghĩa của bản Hiến pháp, không chỉ có ý nghĩa đối với nhân dân Việt Nam, Hiến pháp còn là lời tuyên bố với nhân dân thế giới về nền độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam. Bản Hiến pháp mặc dù còn chưa được hoàn thiện, song trong bối cảnh chính quyền mới được thành lập, kinh nghiệm của nhân dân và Chính phủ còn chưa có nhiều, đặc biệt trong tình hình phức tạp về mặt quân sự khi Pháp quyết tâm cướp nước ta lần nữa, bản Hiến pháp ra đời là một thắng lợi to lớn mà nhân dân ta đạt được trong thời kỳ kháng chiến kiến quốc. Người đã kết luận: “Quốc hội đã thu được một kết quả làm vẻ vang cho đất nước là đã thảo luận xong bản Hiến pháp. Sau khi nhà nước mới được tự do 14 tháng, đã làm thành được bản

Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước nhà. Bản Hiến pháp đó còn là một vết tích lịch sử, Hiến pháp đầu tiên trong cõi Á Đông này nữa. Bản Hiến pháp đó chưa hoàn toàn nhưng nó đã làm nên theo một hoàn cảnh thực tế. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới nước Việt Nam đã độc lập. Hiến pháp đó đã tuyên bố với thế biết dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới: Phụ nữ Việt Nam đã được đứng ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền tự do của một công dân. Hiến pháp đó đã nêu một tinh thần đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc Việt Nam và một tinh thần liêm khiết, công bình của các giai cấp. Chính phủ cố gắng làm theo đúng 3 chính sách: Dân sinh, Dân quyền và dân tộc” [3, tr.491].

2.4. Những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua bản Hiến pháp năm 1946

Thông qua quá trình chuẩn bị và ra đời bản Hiến pháp năm 1946, người ta thấy nhiều tư tưởng của Hồ Chí Minh được củng cố, phát triển và hoàn thiện: đó là tư tưởng về một nền độc lập thực sự chân chính, sự quyết tâm bảo vệ nền độc lập tự do của dân tộc và nhân dân, là tư tưởng về một Nhà nước dân chủ quyền lực thuộc về nhân dân, tư tưởng về một Nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh; một Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ; Là sự quyết tâm trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn đầu năm 1930 mà trước hết phải có chính quyền nhân dân, chế độ dân chủ nhân dân làm nền tảng; đó còn biểu hiện tinh thần đoàn kết của cả một dân tộc đã anh dũng đứng lên đấu tranh chống giặc ngoại xâm, giờ đây, dân tộc ấy tiếp tục đoàn kết để củng cố và bảo vệ nền độc lập mới giành được, khẳng định vị thế của một dân tộc đã được độc lập và có đủ mọi quyền tự do. Đó còn là nơi thể hiện một đặc trưng ưu việt của chế độ mới - tinh thần dân chủ, tinh thần ấy sau này được Người xem như “của quý báu của nhân dân” [6, tr.469] cần phải bảo vệ, đề phòng kẻ gian hủy hoại. Qua quá trình đó, ta còn thấy được một phương pháp tuyệt vời của Hồ Chí Minh - phương

pháp “đĩ bất biến, ứng vạn biến”, dù trong những hoàn cảnh khó khăn, dù chính quyền còn non trẻ mới ra đời và đang bị bủa vây bởi các thế lực chống phá cách mạng, vừa phải đấu tranh với các loại giặc nguy hiểm, song chúng ta vẫn quyết tâm giữ cho bằng được những kết quả mà dân tộc ta đã giành được trong Cách mạng tháng Tám, vẫn đáp ứng được nguyện vọng chính đáng của nhân dân về một đất nước độc lập, tự do và hướng đến một đời sống hạnh phúc.

3. Kết luận

Ngày nay, sau 75 năm ra đời bản Hiến pháp đầu tiên, Hiến pháp nước ta đã được bổ sung, hoàn thiện, những tư tưởng và nguyên tắc xây dựng Hiến pháp vẫn còn nguyên giá trị, vẫn là bài học soi đường, chỉ lối cho chúng ta ngày nay học tập, vận dụng và phát triển trong công cuộc xây dựng một Nhà nước thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Điều đó đòi hỏi cần có sự nghiên cứu nhiều hơn nữa, vận dụng nhiều hơn nữa trong các khía cạnh của đời sống xã hội, để tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin thực sự trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của chúng ta trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.../.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
- [2] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
- [3] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
- [4] Lê Mậu Hãn, *Sức Mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 2020.
- [5] *Hiến pháp Việt Nam (1946, 1959, 1980, 1992)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
- [6] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.